

Cơ sở pháp lý về chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay

Đinh Thị Cẩm Hà

Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

TÓM TẮT

Chuyển đổi số hiện nay đang diễn ra mạnh mẽ ở nhiều quốc gia phát triển trên thế giới, là xu thế tất yếu mà Việt Nam không thể đứng ngoài cuộc. Các văn bản của Đảng và Nhà nước liên quan đến chuyển đổi số luôn xác định giáo dục đào tạo nói chung và giáo dục đại học nói riêng giữ vai trò tiên phong trong chuyển đổi số quốc gia. Cũng như nhiều lĩnh vực quan trọng khác của đời sống xã hội, vấn đề chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học phải được thực hiện dựa trên các quy định của Nhà nước để đảm bảo cho quá trình chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học phù hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước nói chung. Bài viết tập trung phân tích các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành liên quan đến chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học, từ đó, xác định những yêu cầu cơ bản, hình thức, mức độ quan tâm của Nhà nước đối với chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam.

Từ khóa: Chuyển đổi số, giáo dục đại học, cơ sở pháp lý.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, chuyển đổi số đang được coi là một trong những phương thức quan trọng để nâng cao hiệu suất xử lý các công việc trong hầu hết các lĩnh vực hoạt động của xã hội ở nhiều quốc gia trên thế giới.

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng xác định rằng: “*Chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là yêu cầu tất yếu khách quan; là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, gắn chặt với quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng; đồng thời nhận thức đầy đủ, đúng đắn về nội hàm, bản chất của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để quyết tâm đổi mới tư duy và hành động, coi đó là giải pháp đột phá với bước đi và lộ trình phù hợp là cơ hội để Việt Nam bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội*” [1]. Trên cơ sở đó, ngày 03/6/2020,

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Quyết định này xác định tầm nhìn đến năm 2030, “*Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp*” [2].

Chuyển đổi số cơ sở giáo dục đào tạo đại học là một phần quan trọng trong chuyển đổi số giáo dục đào tạo. Nghiên cứu về cơ sở pháp lý về chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học là việc cần thiết hiện nay, bởi lẽ, việc nắm vững cơ sở pháp lý về chuyển đổi số cơ sở giáo dục đào tạo đại học sẽ đảm bảo cho quá trình thực hiện chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục đại học được thực hiện một cách chính xác,

Tác giả liên hệ: TS. Đinh Thị Cẩm Hà

Email: hadtc@hiu.vn

đồng bộ, đúng trọng tâm qua đó giúp cho cơ sở giáo dục đại học nhanh chóng hoàn thành việc chuyển đổi số theo đúng yêu cầu của Nhà nước. Khi cơ sở giáo dục đại học hoàn thành việc chuyển đổi số, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền sẽ dễ dàng hơn trong quá trình quản lý cơ sở giáo dục đại học. Mặt khác, việc hoàn thành chuyển đổi số sẽ nâng cao chỉ số uy tín của cơ sở giáo dục đại học, từ đó thu hút được nhiều người học lựa chọn đăng ký học tập hơn. Tuy nhiên quy định về chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học hiện nay nằm ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật. Không chỉ được thực hiện theo các văn bản chỉ đạo chung về chuyển đổi số giáo dục đào tạo mà còn được đề cập đến trong những văn bản chuyên biệt. Do vậy, cần được tổng hợp theo từng nội dung để các chủ thể có quan tâm đến vấn đề này dễ nắm bắt hơn.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Hiện nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu trong có nội dung liên quan đến chủ đề chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam được công bố trên một số tạp chí khoa học, kỷ yếu Hội thảo khoa học. Có thể kể như: bài viết "*Chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học*" của tác giả Nguyễn Thị Thu Vân đăng trên Tạp chí quản lý nhà nước - số 309 (10/2021) [3]; bài viết "*Chuyển đổi số trong quản trị đại học: kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam*" của tác giả Phùng Thế Vinh, in trong Kỷ yếu Hội thảo quốc gia "*Quản trị thông minh trong môi trường phức hợp toàn cầu lý luận và thực tiễn*" do PGS.TS. Hoàng Văn Hải – TS. Lưu Thị Minh Ngọc chủ biên, Nxb Đại học quốc gia xuất bản năm 2021 [4]; bài viết "*Chuyển đổi số trong giáo dục đại học và những thách thức*" của tác giả Dương Thúy Hằng, Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương số 592 tháng 7 năm 2021 [5].

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu liên quan đến chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học được công bố thời gian qua đã làm rõ được một số vấn đề như: khái niệm chuyển đổi số trong giáo dục đại học, vai trò, ý nghĩa của chuyển đổi số trong giáo dục đại học, mối quan hệ giữa chuyển đổi số với quản trị đại học, kinh nghiệm chuyển đổi số trong quản trị giáo dục đại học, kết quả chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo. Tuy nhiên, nghiên cứu về cơ sở pháp

lý về chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam còn khá khiêm tốn. Trên thực tế, chưa có một công trình nào tập trung nghiên cứu sâu vấn đề này. Những đánh giá về pháp luật liên quan đến chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học chủ yếu được lồng ghép trong một số báo cáo của Bộ giáo dục đào tạo và đề cập một cách sơ lược trong một số bài nghiên cứu. Vấn đề chuyển đổi số cơ sở giáo dục được trình bày trong các công trình nghiên cứu chủ yếu được xem xét dưới khía cạnh quản trị học, giáo dục học, xã hội học... mà chưa được xem xét dưới góc độ luật học. Chính vì vậy, việc nghiên cứu "*Cơ sở pháp lý về chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay*" với mục tiêu là làm sáng tỏ những yêu cầu cơ bản, hình thức, mức độ quan tâm của Nhà nước đối với chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành liên quan đến chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học là hết sức cần thiết.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Với câu hỏi nghiên cứu là: Chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay được thực hiện trên cơ sở pháp lý như thế nào? Các quy định pháp luật hiện hành đã đảm bảo cho quá trình chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học được tiến hành thuận lợi hay chưa? Bài viết này được thực hiện chủ yếu dựa trên phương pháp nghiên cứu định tính với các phương pháp cụ thể phổ biến trong nghiên cứu luật học gồm: Phương pháp phân tích luật viết, phương pháp tổng hợp; phương pháp thống kê, phương pháp so sánh nhằm làm rõ giả thuyết là: Hiện nay Nhà nước đã ban hành một số văn bản pháp luật để điều chỉnh các vấn đề liên quan đến chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học. Tuy nhiên, các quy định pháp luật liên quan đến vấn đề này còn một số hạn chế về cả hình thức và nội dung, cần được tiếp tục xem xét bổ sung, sửa đổi trong thời gian tới.

4. KẾT QUẢ

4.1. Khái quát về chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học và hệ thống văn bản về chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học

Hiện nay, vấn đề chuyển đổi số đang được nghiên cứu và triển khai trong hệ thống giáo

dục quốc dân ở Việt Nam trong đó có cơ sở giáo dục đại học. Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 (sửa đổi bổ sung năm 2018) thì: "*Cơ sở giáo dục đại học là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thực hiện chức năng đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, hoạt động khoa học và công nghệ, phục vụ cộng đồng*" [6]. Cơ sở giáo dục đại học bao gồm đại học, trường đại học và cơ sở giáo dục đại học có tên gọi khác phù hợp với quy định của pháp luật với hai loại hình là: Cơ sở giáo dục đại học công lập do Nhà nước đầu tư, bảo đảm điều kiện hoạt động và là đại diện chủ sở hữu và Cơ sở giáo dục đại học tư thục do nhà đầu tư trong nước hoặc nước ngoài đầu tư, bảo đảm điều kiện hoạt động.

Liên quan đến khái niệm "*chuyển đổi số*", "*chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học*" có thể thấy đang có những quan niệm khác nhau. Theo tác giả Nguyễn Thị Thu Vân, chuyển đổi số là "*việc sử dụng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi tổng thể và toàn diện cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất của cá nhân, tổ chức*" [3, trang 8]. Tác giả Phùng Thế Vinh cho rằng "*chuyển đổi số là "số hóa" hay vận dụng tính luôn đổi mới, nhanh chóng của công nghệ thông tin để giải quyết vấn đề*" [4, trang 453], "*Chuyển đổi số trong quản trị đại học là việc áp dụng các dịch vụ, công nghệ và kỹ thuật số của các trường đại học với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao công bằng và nâng cao hiệu quả trong nội bộ tổ chức*" [4, trang 453]. Có thể thấy, mặc dù chuyển đổi số liên quan mật thiết đến việc "*ứng dụng công nghệ thông tin*" và "*số hóa*" nhưng theo nội dung của các Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "*Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*" [2] và Quyết định số 131/QĐ-TTg, ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án "*Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030*" [7] thì chuyển đổi số là một khái niệm riêng biệt với khái niệm "*số hóa*", "*tin học hóa*" hay "*ứng dụng công nghệ thông tin*". Nếu như các khái niệm "*số hóa*", "*tin học hóa*" hay "*ứng dụng công nghệ thông tin*" nhấn mạnh nội

dung kỹ thuật thì chuyển đổi số nhấn mạnh quá trình. Chuyển đổi số đòi hỏi sự tham gia phối hợp của nhiều chủ thể, nhiều hoạt động trên nhiều lĩnh vực. Chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học có thể được hiểu là quá trình xử lý các dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý, đào tạo tại các đại học, trường đại học. Chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học hiệu quả sẽ giúp nâng cao chất lượng đào tạo do ứng dụng được các hình thức, phương pháp dạy học đa dạng hơn, lưu trữ tốt các thông tin phục vụ quản lý trong nội bộ cơ sở giáo dục đại học, chăm sóc, phục vụ người học nhanh chóng hiệu quả hơn.

Chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học được đảm bảo dựa trên nhiều yếu tố như: Hạ tầng công nghệ Năng lực cán bộ, giảng viên, nhân viên của cơ sở giáo dục đại học; Kỹ năng sử dụng công nghệ của người học; Nhận thức chung và sự ủng hộ của xã hội đối với chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học; Hiệu quả quản lý nhà nước đối với quá trình chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học. Trong tất cả các yếu tố đó, quản lý nhà nước đối với chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học đóng vai trò quan trọng nhất. Với tầm quan trọng của lĩnh vực giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng, chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học không thể nằm ngoài phạm vi quản lý của nhà nước. Quản lý nhà nước có ý nghĩa quyết định sự thành công, hiệu quả của chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học. Hoạt động quản lý nhà nước giúp cho chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học được thực hiện một cách có kế hoạch, theo đúng lộ trình hướng tới các mục tiêu cụ thể phù hợp với định hướng phát triển đất nước trong mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ.

Cũng như quản lý nhà nước trong các lĩnh vực khác, hoạt động quản lý nhà nước đối với chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học trước hết được thực hiện dựa trên quy định của Hiến pháp và pháp luật để tạo hành lang pháp lý, đảm bảo các hoạt động của các chủ thể tham gia vào quá trình chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học trong khuôn khổ, hạn chế những rủi ro, tiêu cực, vi phạm phát sinh trong quá trình chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học.

Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quan trọng nhất có nội dung điều chỉnh liên quan đến chuyển đổi số cơ sở giáo

dục đại học bao gồm:

- Các văn bản của Quốc hội:
 - + Luật giáo dục năm 2019 [8].
 - + Luật Giáo dục đại học năm 2012 sửa đổi bổ sung năm 2018 [6].
- Các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ giáo dục đào tạo:
 - + Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 04 năm 2016 về đào tạo qua mạng [9]
 - + Thông tư 10/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 04 năm 2017 về đào tạo từ xa [10]
 - + Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 về quy chế đào tạo trình độ đại học [11].
 - + Thông tư 42/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 về cơ sở dữ liệu giáo dục đào tạo [12].
 - + Quyết định 4740/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học [13].
- Các văn bản của Thủ tướng Chính phủ:
 - + Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” [2].
 - + Quyết định số 131/QĐ-TTg, ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “*Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030*” [7].

Ngoài ra, còn có các văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Chẳng hạn trong năm 2022, Hội đồng nhân dân dân một số tỉnh như Yên Bái, Lạng Sơn đã ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt, năm 2023, hầu hết Ủy ban nhân dân các tỉnh thành trong phạm vi cả nước đã ban hành Kế hoạch liên quan đến chuyển đổi số trong đó có nội dung đề

cập đến chuyển đổi số cơ sở giáo dục nói chung.

Việc các cơ quan nhà nước ban hành các văn bản quy phạm pháp luật tạo hành lang pháp lý cho chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học thời gian qua đã cho thấy sự quan tâm của Nhà nước đối với chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học, và qua đó cũng cho thấy tầm quan trọng của chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học trong việc phát triển nền giáo dục quốc dân phục vụ cho công cuộc phát triển đất nước theo hướng hiện đại hóa, chủ động hội nhập với nền giáo dục quốc tế.

4.2. Nội dung cơ bản của pháp luật hiện hành về chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học

Qua phân tích các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học có thể thấy sự điều chỉnh của pháp luật trực tiếp đối với chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học tập trung và các nội dung cơ bản sau đây:

- *Xác định các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến quản lý nhà nước về chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học*
 - + Hiện nay, quản lý nhà nước đối với giáo dục đào tạo nói chung được thực hiện trên cơ sở phối hợp giữa nhiều cơ quan nhà nước khác nhau như: Quốc hội, Chính phủ, Bộ giáo dục đào tạo, Bộ thông tin truyền thông, Bộ khoa học công nghệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương...
 - + Đối với chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học, ngoài các cơ quan có thẩm quyền chung về quản lý giáo dục đào tạo, thì năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2021 kiện toàn và đổi tên Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử thành Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số (Ủy ban) [14] với chức năng chính là: “*Nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, phối hợp thực hiện các chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số quốc*

gia, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam” [14]. Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số có 16 thành viên, trong đó Chủ tịch Ủy ban do Thủ tướng chính phủ kiêm nhiệm. Ủy ban có 02 Phó Chủ tịch, gồm 01 thường trực do Phó Thủ tướng Chính phủ trực tiếp theo dõi, chỉ đạo lĩnh vực thông tin và truyền thông phụ trách, Phó Chủ tịch còn lại do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phụ trách. Các ủy viên khác của Ủy ban do một số bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng phụ trách, đó là: Bộ trưởng Bộ Công an; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ trưởng Bộ Tài chính; Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ trưởng Bộ Y tế; Bộ trưởng Bộ Công Thương; Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Thủ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- + Với thành phần nhân sự như trên, hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số sẽ giúp Chính phủ, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kịp thời đưa ra các chính sách quản lý, hỗ trợ phù hợp đảm bảo chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học có thể sớm hoàn thành trong toàn hệ thống giáo dục đại học.
- *Xác định nhiệm vụ quyền hạn của cơ sở giáo dục đại học liên quan đến chuyển đổi số:* Điểm b, Khoản 2, Điều 60 Luật giáo dục năm 2019 thì cơ sở giáo dục đại học được, *huy động, quản lý, sử dụng nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa* [8] (Điểm h, Khoản 1 Điều 60 Luật giáo dục năm 2019), *“thực hiện quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Giáo dục đại học và quy định khác của pháp luật có liên quan”* [8].

Điều 5 Văn bản hợp nhất số 42/VBHN của Văn phòng Quốc hội, ngày 10 tháng 12 năm 2018 hợp nhất Luật giáo dục đại học [15] và các luật có liên quan quy định cơ sở giáo dục đại học, một mặt, được tự xác định mục tiêu và lựa chọn cách thức thực hiện mục tiêu; tự quyết định và có trách nhiệm giải trình về hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản và hoạt động khác trên cơ sở quy định của pháp luật và năng lực của cơ sở giáo dục đại học. Mặt khác, cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm báo cáo, minh bạch thông tin đối với người học, xã hội, cơ quan quản lý có thẩm quyền, chủ sở hữu và các bên liên quan về việc tuân thủ quy định của pháp luật và thực hiện đúng quy định, cam kết của cơ sở giáo dục đại học.

Như vậy, pháp luật hiện hành trao quyền chủ động cho cơ sở giáo dục đại học trong việc tiến hành chuyển đổi số. Các vấn đề liên quan đến chuẩn bị nguồn lực để đầu tư trang thiết bị chuyển đổi số, vận hành, thực hiện chuyển đổi số, thậm chí là đánh giá mức độ chuyển đổi số trước hết phải do chính cơ sở giáo dục đại học lên kế hoạch và triển khai các biện pháp tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm về thông tin chuyển tải tới Nhà nước và xã hội.

- *Xác định các nội dung chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học.*

Quyết định số 131/QĐ-TTg, ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án *“Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”* đã xác định một số nội dung liên quan đến chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học [7] bao gồm:

- + Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học gồm: Đổi mới mô hình dạy - học; Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung; Phát triển, ứng dụng các nền tảng số phục vụ dạy - học và triển khai thí điểm mô hình giáo dục đại học số.
- + Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục như: Rà soát, cắt

giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng giúp ứng dụng hiệu quả công nghệ số; Triển khai công dịch vụ công trực tuyến (tích hợp Hệ thống thông tin một cửa điện tử) với các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia; mở rộng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4; Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ (như trợ lý ảo, trả lời tự động); thử nghiệm nền tảng dùng chung giải quyết một số thủ tục hành chính không dùng giấy tờ trong ngành giáo dục dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo.

- + Phát triển các ứng dụng, nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở giáo dục gồm: Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới 100% cơ sở giáo dục nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu toàn quốc của ngành giáo dục; Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa Nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành giáo dục; triển khai các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số đảm bảo thiết thực và hiệu quả.
- + Xây dựng môi trường số kết nối, đó là: Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục kết nối với trực tích hợp, liên thông dữ liệu quốc gia; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục; Ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong số hóa, giám sát, quản lý và khai thác các nguồn lực, đối tượng và hoạt động giáo dục trong nhà trường, đảm bảo kết nối thời gian thực với hệ thống thông tin quản trị nhà trường.

– *Xác định lộ trình, mục tiêu chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học.*

Quyết định số 131/QĐ-TTg, ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “*Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030*” [7] đã đưa ra lộ trình chuyển đổi số với mục tiêu xác định theo hai mốc thời gian là: đến năm 2025 và đến năm 2030. Theo đó, đến năm 2025 phải đảm bảo hơn 50% cơ sở giáo dục đại học cung cấp các chương trình đào tạo (cấp bằng) hình thức từ xa, trực tuyến; Tỷ trọng lớp học trực tuyến trong các cơ sở giáo dục đại học đạt trung bình 20%; Trong số người học lấy văn bằng đại học thứ hai, có ít nhất 50% theo học hình thức trực tuyến (với thời lượng trực tuyến chiếm hơn 50%). Và mục tiêu đến năm 2030, giáo dục đại học số trở thành một trụ cột của hệ thống giáo dục đại học, chiếm tỷ trọng 30% quy mô; 100% cơ sở giáo dục đại học cung cấp các chương trình đào tạo (cấp bằng) hình thức từ xa, trực tuyến [7].

– *Đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học.*

Theo Quyết định 4740/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo “*Ban hành bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học*” [13], để thúc đẩy chuyển đổi số ở các cơ sở giáo dục đại học, có những đánh giá khách quan, thực chất, công bằng và kịp thời phát hiện các điển hình, mô hình chuyển đổi số làm tốt để nhân rộng, tạo phong trào thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục đại học thì kết quả chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học phải được đánh giá thường xuyên. Việc đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đào tạo tập trung vào đánh giá 02 nhóm tiêu chí thành phần gồm: Nhóm tiêu chí “Chuyển đổi số trong đào tạo” với 08 tiêu chí và nhóm tiêu chí “Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục đại học” với 06 tiêu chí.

Mức độ chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục đại học được đánh giá theo từng nhóm tiêu chí thành phần, thang điểm 100, gồm 03 mức độ là: Mức chưa đáp ứng (Tổng

điểm của mỗi nhóm tiêu chí dưới 50); Mức đáp ứng cơ bản (Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí đạt từ 50 đến 75) và Mức đáp ứng tốt (Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí trên 75) [6].

Quyết định 4740/QĐ-BGDĐT [13] cũng quy định quy trình tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số theo hai bước:

- + Bước 1 là cơ sở giáo dục đại học tự đánh giá. Kết quả tự đánh giá phải được Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học phê duyệt, cập nhật lên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- + Bước 2 là đánh giá ngoài và công nhận kết quả. Cục Công nghệ thông tin thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổ chức kiểm tra, đánh giá ngoài và công nhận mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục đại học; công bố kết quả đánh giá trên Cổng thông tin điện tử.

5. KẾT LUẬN

5.1. Thứ nhất: Về hệ thống văn bản pháp luật về chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học

Có thể thấy, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo cho chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay còn chưa đầy đủ. Văn bản có hiệu lực cao nhất có quy định định về chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học mới chỉ là các quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Cần phải đưa các vấn đề về chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học quy định trong các văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Hiện nay, chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào của Nhà nước đưa ra định nghĩa chính thức về chuyển đổi số. Khái niệm chuyển đổi số đã được đề cập tới trong một số công trình nghiên cứu với các cách diễn

đạt không hoàn toàn thống nhất. Vì vậy cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần ban hành văn bản để định nghĩa cụ thể về chuyển đổi số từ đó thống nhất nhận thức và hành động của các chủ thể liên quan trong chuyển đổi số nói chung và chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học nói riêng.

Các quy định liên quan đến chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học cần phải được quy định trong văn bản luật. Luật giáo dục năm 2019 [8] và Luật giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi năm 2018) [6] chưa có quy định nào đề cập đến yêu cầu về chuyển đổi số cũng như xác định nội dung quản lý nhà nước về chuyển đổi số cơ sở giáo dục.

5.2. Thứ hai: về nội dung pháp luật về chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học

Pháp luật về chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học, còn thiếu một số nội dung quan trọng như quy định cụ thể về tiêu chuẩn, quyền và trách nhiệm của giảng viên trong việc giảng dạy trực tuyến, hình thức quản lý người học hay các quy định về cấp văn bằng, công nhận văn bằng trong môi trường số. Đặc biệt là hiện nay vẫn chưa có văn bản nào quy định xác định rõ các hành vi vi phạm trong chuyển đổi số cơ sở giáo dục cũng như quy định về các hình thức chế tài.

Trong thời gian tới, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần thường xuyên tổng kết, đánh giá kết quả chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học, kịp thời ban hành văn bản quy phạm pháp luật bổ sung hoàn thiện các quy định về các vấn đề liên quan đến chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo nói chung và chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học nói riêng để việc chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học có thể hoàn thành đúng theo các mục tiêu Nhà nước đã đề ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.*
- [2]. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt*
- [3]. N.T.T. Vân, "Chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học", *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 309, trang 8-13, 2021.
- [4]. H.V.Hải, L.T.M.N Ngọc (chủ biên), *Kỷ*

- yếu Hội thảo quốc gia "Quản trị thông minh trong môi trường phức hợp toàn cầu lý luận và thực tiễn", NXB Đại học quốc gia, 2021.
- [5]. Dương Thúy Hằng, "Chuyển đổi số trong giáo dục đại học và những thách thức", *Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương*, số 592, 2021.
- [6]. Quốc hội, *Luật giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi năm 2018)*.
- [7]. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 131/QĐ-TTg, ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030"*.
- [8]. Quốc hội, *Luật giáo dục năm 2019*.
- [9]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 04 năm 2016 về đào tạo qua mạng*, 2016.
- [10]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư 10/2017/TT-BGDĐT về đào tạo từ xa*, 2017.
- [11]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT về quy chế đào tạo trình độ đại học*, 2021.
- [12]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư 42/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 về cơ sở dữ liệu giáo dục đào tạo*, 2021.
- [13]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quyết định 4740/QĐ-BGDĐT ngày 6/12/2022 ban hành bộ, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học*, 2022.
- [14]. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2021 kiện toàn và đổi tên Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử thành Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số*, 2021.
- [15]. Văn bản hợp nhất số 42/VBHN của Văn phòng Quốc hội, ngày 10 tháng 12 năm 2018 hợp nhất Luật giáo dục đại học, 2018.

Legal foundation for digital transformation of higher education institutions in Vietnam

Dinh Thi Cam Ha

ABSTRACT

Digital transformation is currently taking place strongly in many developed countries around the world and Vietnam cannot stay out of this upswing. Many documents of the Communist Party of Vietnam and the State related to digital transformation have determined that education and training in general and higher education in particular play a pioneering role in national digital transformation. Like many other important areas of social life, the issue of digital transformation of higher education institutions must be done based on the regulations of the State to ensure the process of digital transformation of higher education institutions in line with the country's socio-economic development goals in general. The article focuses on analyzing the current provisions of law in Vietnam related to digital transformation of higher education institutions, which in, determining the basic requirements, methods and levels of interest of the State for digital transformation of higher education institutions in Vietnam.

Keyword: *Digital transformation, higher education, legal foundation*

Received: 16/05/2023

Revised: 02/06/2023

Accepted for publication: 05/06/2023